

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Hải Ca	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lân	Thành viên
Ông Phạm Thanh Vũ	Thành viên độc lập
Ông Đoàn Tường Triệu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Dương Quỳnh Diệp	Trưởng ban
Ông Lê Trung Hiếu	Thành viên
Bà Lê Thị Kiều Diễm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bá Lân	Tổng Giám đốc
Ông Mai Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quý Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Hải Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Bá Lân - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số: 1543/2022/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022, từ trang 4 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2018-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.700.144.327.327	1.773.894.194.316
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.298.720.424	30.190.337.086
1. Tiền	111	V.1	33.298.720.424	30.190.337.086
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.428.326.967.180	780.438.620.716
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	347.904.574.022	302.494.036.540
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	934.200.062.355	333.692.653.776
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	3.100.000.000	2.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	179.041.808.023	177.371.407.620
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(35.919.477.220)	(35.419.477.220)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	1.193.209.888.054	931.327.870.572
1. Hàng tồn kho	141		1.193.209.888.054	931.327.870.572
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.308.751.669	31.937.365.942
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	37.331.459	22.361.483
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.543.953.956	29.143.492.487
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.17	3.727.466.254	2.771.511.972

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.636.814.850.219	2.599.759.787.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.608.209.388.800	605.251.112.951
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	-	562.911.347.948
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	1.608.209.388.800	42.339.765.003
II. Tài sản cố định	220		249.666.140.061	221.363.570.050
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	216.736.653.384	189.875.063.839
- Nguyên giá	222		253.329.098.228	222.725.972.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.592.444.844)	(32.850.909.140)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	32.929.486.677	31.488.506.211
- Nguyên giá	228		33.132.758.452	31.646.927.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(203.271.775)	(158.421.775)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	54.543.884.812	55.766.254.435
- Nguyên giá	231		71.176.150.497	71.176.150.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.632.265.685)	(15.409.896.062)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.593.778.810.730	1.595.707.989.463
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.593.778.810.730	1.595.707.989.463
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	16.150.000.000	16.150.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	18.150.000.000	18.150.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		114.466.625.816	105.520.860.101
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	110.042.489.190	101.207.075.475
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	4.424.136.626	4.313.784.626
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.336.959.177.546	4.373.653.981.316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.517.929.147.447	2.543.451.546.798
I. Nợ ngắn hạn	310		1.872.274.548.059	2.181.867.086.547
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	78.767.729.310	85.351.910.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	29.366.048.686	34.066.767.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	137.230.453.340	220.126.571.985
4. Phải trả người lao động	314		377.525.000	1.127.035.257
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	340.731.351.936	342.093.825.863
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	417.766.135.137	641.273.008.823
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	851.650.527.900	837.132.014.400
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	7.068.430.977	7.272.727.273
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	9.316.345.773	13.423.225.313
II. Nợ dài hạn	330		2.645.654.599.388	361.584.460.251
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	432.965.779.476	7.045.116.036
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	2.208.200.685.697	350.000.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14	786.852.028	786.852.028
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	3.701.282.187	3.752.492.187
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.819.030.030.099	1.830.202.434.518
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.819.030.030.099	1.830.202.434.518
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		207.059.165.444	207.059.165.444
3. Cổ phiếu quỹ	415		(7.087.077.763)	(7.087.077.763)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		607.529.491.062	618.642.613.957
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		605.702.044.191	304.230.949.178
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.827.446.871	314.411.664.779
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.771.891.356	6.831.172.880
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.336.959.177.546	4.373.653.981.316


 Nguyễn Trần Phương Uyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Minh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Bá Lân
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	169.160.498.942	552.480.583.003
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		169.160.498.942	552.480.583.003
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.748.004.170	348.419.515.601
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		84.412.494.772	204.061.067.402
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	69.243.154.439	123.310.806.338
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	113.374.577.265	88.453.945.334
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		79.602.247.247	31.989.573.799
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.007.592.546	2.619.695.374
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.200.488.189	32.402.270.561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		25.072.991.211	203.895.962.471
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.672.215.530	18.352.453.799
12. Chi phí khác	32	VI.8	19.035.303.792	10.760.750.310
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(17.363.088.262)	7.591.703.489
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.709.902.949	211.487.665.960
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	6.032.926.277	48.716.264.407
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	V.14	(110.352.000)	(110.352.000)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.787.328.672	162.881.753.553
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.827.446.871	162.447.080.765
19. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(40.118.199)	434.672.788
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	17	1.541


Nguyễn Trần Phương Uyên
 Người lập biểu


Nguyễn Văn Minh
 Kế toán trưởng


Nguyễn Bá Lân
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	7.709.902.949	211.487.665.960
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ			
lợi thế thương mại	02	5.008.755.327	4.490.335.054
Các khoản dự phòng	03	500.000.000	16.381.534.217
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(69.243.154.439)	(3.563.063.909)
Chi phí lãi vay	06	79.602.247.247	31.989.573.799
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.577.751.084	260.786.045.121
Tăng các khoản phải thu	09	(633.247.028.660)	(15.585.954.101)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(254.315.179.235)	116.702.839.035
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể			
lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	103.594.168.281	(453.499.456.948)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(8.850.383.691)	17.827.706.745
Tiền lãi vay đã trả	14	(53.884.465.124)	(50.781.932.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(64.392.853.243)	(30.137.559.154)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.066.612.631)	(23.946.330.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(904.584.603.219)	(178.634.642.420)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.612.817.090)	(5.132.063.690)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.300.000.000	4.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.150.800.000.000)	(407.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	146.848.247.018	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.105.500.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.132.857.432	34.802.227
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(965.026.212.640)	(412.393.170.554)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.940.513.690.197	741.695.947.100
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.794.491.000)	(143.181.445.114)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.872.719.199.197	598.514.501.986
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.108.383.338	7.486.689.012
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.190.337.086	67.500.904.393
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	33.298.720.424	74.987.593.405


Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu


Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng


Nguyễn Bá Luân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 4 tháng 7 năm 2005 và được cập nhật thay đổi lần thứ 15 ngày 4 tháng 10 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và Tổng Giám đốc Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.004.756.560.000 đồng, được chia thành 100.475.656 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngày 8 tháng 3 năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty CII”) đã thoái một phần vốn và giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty xuống dưới 51%. Công ty từ công ty con trở thành công ty liên kết của Công ty CII kể từ ngày này.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh của Công ty: 577 Investment Corporation.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 1648 Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: NBB.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 141 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 140 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị, khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty đang đầu tư trực tiếp vào ba (03) công ty con và một (01) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Kinh doanh bất động sản
2. Công ty TNHH Hương Trà	Tỉnh Quảng Ngãi	99,00%	99,00%	Quản lý điều hành và kinh doanh Mỏ nước khoáng Trà Bồng
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	90,00%	90,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Tỉnh Quảng Nam	49,00%	49,00%	Kinh doanh bất động sản
--	----------------	--------	--------	-------------------------

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Bình Thuận, đăng ký tại Tổ 2, Thôn Phước Hải, Xã Tân Phước, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Tây Nam, đăng ký tại 444 đường Ninh Bình, Khu dân cư Phường 2, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- Chi nhánh Miền Bắc, đăng ký tại Tầng 2, Biệt thự A29, Lô BT-A3, Khu biệt thự Đồi Thủy Sản, Khu 9B, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Chi nhánh Quảng Ngãi, đăng ký tại 364 Võ Nguyên Giáp, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Thoái vốn công ty con

Khi công ty thoái vốn, mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của Công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con sẽ được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo riêng của công ty mẹ sau khi điều chỉnh cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ tương ứng kể từ ngày mua nếu sau khi thoái vốn công ty con trở thành công ty liên kết, hoặc trình bày theo giá gốc nếu công ty con trở thành khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác.

Trường hợp trước đây Công ty đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, toàn bộ phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mất quyền kiểm soát.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con nhưng không dẫn đến mất quyền kiểm soát được ghi nhận như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Ảnh hưởng của các giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất thay vì ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kỳ phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thoái một phần vốn trong công ty liên kết, lãi lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho*Hàng hóa bất động sản*

Hàng hóa bất động sản của Công ty bao gồm các bất động sản được mua hoặc xây dựng để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường, được ghi nhận trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng và các khoản chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	4 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa lô đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao.

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm Trung tâm thương mại, hồ bơi và sân tennis ở Chung cư Carina do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Trung tâm thương mại	30
Hồ bơi và sân quần vợt	10 - 30

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động.

Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận là giá vốn trong kỳ bán bất động sản đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí nhà mẫu và hoa hồng môi giới bán bất động sản; phí cam kết rút vốn và công cụ dụng cụ xuất dùng.

Chi phí nhà mẫu và hoa hồng môi giới bán bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu của các dự án khi Công ty bàn giao bất động sản cho khách hàng.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên. BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi hoặc được đảm bảo lợi nhuận tối thiểu theo các điều khoản của hợp đồng.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Trái phiếu**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn. Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu chuyển nhượng bất động sản***

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản (tiếp theo)*

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- (a) Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư

Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được xác định là giá trị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện. Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch mà không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại trong bất cứ tình huống nào.

Ghi nhận giá vốn*Bất động sản đã chuyển nhượng*

Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã chuyển nhượng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng hóa và dịch vụ khác

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí hợp tác đầu tư dự án

Đối với các hợp đồng hợp tác đầu tư dự án bất động sản mà Công ty là bên kiểm soát các hoạt động và tài sản của dự án, các khoản lợi nhuận phân chia cho đối tác theo quyết toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động khác và chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.252.550.303	478.318.123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.046.170.121	29.712.018.963
Cộng	33.298.720.424	30.190.337.086

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu về chuyển nhượng bất động sản	332.422.775.631	279.684.632.290
<i>Dự án khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside</i>	<i>140.248.422.116</i>	<i>140.253.810.312</i>
<i>Dự án khu căn hộ cao tầng City Gate Towers</i>	<i>105.911.610.505</i>	<i>106.411.610.505</i>
<i>Dự án khu biệt thự Đồi Thủy Sản - Quảng Ninh</i>	<i>21.412.975.473</i>	<i>23.812.975.473</i>
<i>Dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi</i>	<i>64.849.767.537</i>	<i>6.676.390.000</i>
<i>Các dự án khác</i>	<i>-</i>	<i>2.529.846.000</i>
Phải thu về chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác	5.500.000.000	11.605.500.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.981.798.391	11.203.904.250
Cộng	347.904.574.022	302.494.036.540

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các bên liên quan	630.855.027.424	21.893.436.924
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	630.855.027.424	20.773.681.440
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	1.119.755.484
Các đối tượng khác	303.345.034.931	311.799.216.852
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc	192.841.775.900	192.841.775.900
Công ty Cổ phần Xây Dựng Dân Dụng E&C	39.647.883.701	33.647.883.701
Các nhà cung cấp khác	70.855.375.330	85.309.557.251
Cộng	934.200.062.355	333.692.653.776

4. Phải thu về cho vay

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	3.100.000.000	2.300.000.000
b. Dài hạn		
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	562.911.347.948
Tổng cộng phải thu về cho vay	3.100.000.000	565.211.347.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi hỗ trợ vốn, hợp tác đầu tư	54.816.595.482	20.941.298.475
Tạm ứng đền bù	52.634.992.366	54.411.646.574
Các khoản hỗ trợ vốn kinh doanh	43.639.882.834	43.639.882.834
Các khoản ký quỹ, đặt cọc	6.965.000.000	8.315.000.000
Tạm ứng lợi nhuận theo hợp đồng BCC (i)	4.569.109.565	34.841.439.583
Phải thu về cổ tức được chia	1.235.000.000	-
Các khoản phải thu khác	15.181.227.776	15.222.140.154
	179.041.808.023	177.371.407.620
b. Dài hạn		
Các khoản vốn góp hợp tác đầu tư	1.566.063.100.930	-
Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án	42.108.620.000	42.108.620.000
Các khoản phải thu khác	37.667.870	231.145.003
	1.608.209.388.800	42.339.765.003
Tổng cộng phải thu khác	1.787.251.196.823	219.711.172.623
Trong đó, phải thu các bên liên quan:		
Công ty CII (ii)	1.181.295.000.000	
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iii)	439.253.989.563	20.759.556.010
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	1.235.000.000	-
Cộng	1.621.783.989.563	20.759.556.010

(i) Đây là khoản lợi nhuận tạm ứng cho đối tác liên quan đến việc hợp tác đầu tư dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi (xem thêm *Thuyết minh V.7*)

(ii) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản vốn góp hợp tác kinh doanh với Công ty CII và khoản lợi nhuận được chia từ hợp đồng với giá trị lần lượt là 1.150 tỷ đồng và 31,295 tỷ đồng, liên quan đến việc hợp tác kinh doanh phát triển một dự án bất động sản đầu tư do Công ty CII sở hữu. Thời gian hợp tác và hoàn vốn là 20 năm. Trong suốt thời gian hợp tác, Công ty CII nắm quyền khai thác và vận hành dự án. Công ty được phân chia lợi ích theo hợp đồng.

(iii) Số dư thể hiện khoản vốn góp và các khoản lợi ích thu được từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm. Việc hợp tác đầu tư đã được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua với hạn mức vốn góp tối đa là 615 tỷ đồng và thời hạn hợp tác là 36 tháng kể từ ngày góp vốn đợt đầu tiên. Việc hợp tác nhằm mục đích để Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thực hiện hoạt động kinh doanh tại các dự án trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận và được đảm bảo bằng một khoản lợi nhuận tương đương tối thiểu 14%/năm trên số vốn góp thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.209.811.486	-	(1.209.811.486)	709.811.486	-	(709.811.486)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.057.504.000	-	(1.057.504.000)	1.057.504.000	-	(1.057.504.000)
Phải thu ngắn hạn khác	33.652.161.734	-	(33.652.161.734)	33.652.161.734	-	(33.652.161.734)
Cộng	35.919.477.220	-	(35.919.477.220)	35.419.477.220	-	(35.419.477.220)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	35.419.477.220	2.013.912.786
Trích lập dự phòng bổ sung	500.000.000	16.381.534.217
Số dư cuối kỳ	35.919.477.220	18.395.447.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	56.435.150	-	37.790.150	-
Bất động sản dở dang (*)	1.166.738.267.005	-	884.921.637.208	-
Bất động sản hoàn thành chờ bán	26.415.185.899	-	26.415.185.899	-
Hàng hóa bất động sản	-	-	19.953.257.315	-
Cộng	1.193.209.888.054	-	931.327.870.572	-

(*) Bất động sản dở dang thể hiện chi phí đầu tư và phát triển của các dự án như sau:

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi (i)	521.772.756.635	-	488.859.772.048	-
Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi	573.979.055.836	-	325.075.410.626	-
Chi phí dở dang của các dự án khác	70.986.454.534	-	70.986.454.534	-
Cộng	1.166.738.267.005	-	884.921.637.208	-

(i) Công ty đã thực hiện hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi với đối tác theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.331.459	22.361.483
b. Dài hạn		
Chi phí hoa hồng môi giới bán bất động sản (i)	103.454.109.092	93.326.254.547
Chi phí nhà mẫu	5.281.534.332	5.623.321.309
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	819.388.226	1.314.985.713
Các khoản chi phí khác	487.457.540	942.513.906
	110.042.489.190	101.207.075.475
Tổng cộng chi phí trả trước	110.079.820.649	101.229.436.958

(i) Đây là chi phí môi giới, tìm kiếm khách hàng mua bất động sản. Khoản chi phí này sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh khi dự án có doanh thu.

Tình hình biến động các khoản chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Chi phí trả trước dài hạn VND
Tại ngày 01/01/2021	59.173.130.484
Phát sinh trong kỳ	60.161.843.770
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(58.580.119.825)
Tại ngày 31/12/2021	60.754.854.429
Tại ngày 01/01/2022	101.207.075.475
Tăng trong kỳ	10.516.141.380
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(1.344.727.665)
Giảm khác	(336.000.000)
Tại ngày 30/06/2022	110.042.489.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	205.359.762.505	2.711.985.442	13.458.678.577	1.195.546.455	222.725.972.979
Mua trong kỳ	-	-	1.580.909.091	-	1.580.909.091
Tặng khác	2.996.667.613	-	-	-	2.996.667.613
Xây dựng cơ bản hoàn thành	7.558.121.696	-	-	-	7.558.121.696
Phân loại lại	18.467.426.849	-	-	-	18.467.426.849
Tại ngày 30/06/2022	234.381.978.663	2.711.985.442	15.039.587.668	1.195.546.455	253.329.098.228
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	21.152.722.862	1.924.925.609	9.135.646.536	637.614.133	32.850.909.140
Khấu hao trong kỳ	2.903.309.044	102.863.220	628.572.318	106.791.122	3.741.535.704
Tại ngày 30/06/2022	24.056.031.906	2.027.788.829	9.764.218.854	744.405.255	36.592.444.844
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	184.207.039.643	787.059.833	4.323.032.041	557.932.322	189.875.063.839
Tại ngày 30/06/2022	210.325.946.757	684.196.613	5.275.368.814	451.141.200	216.736.653.384

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 7.103.126.352 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 7.052.886.352 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	31.377.827.986	269.100.000	31.646.927.986
Phân loại lại	1.485.830.466	-	1.485.830.466
Tại ngày 30/06/2022	32.863.658.452	269.100.000	33.132.758.452
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	-	158.421.775	158.421.775
Khấu hao trong kỳ	-	44.850.000	44.850.000
Tại ngày 30/06/2022	-	203.271.775	203.271.775
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	31.377.827.986	110.678.225	31.488.506.211
Tại ngày 30/06/2022	32.863.658.452	65.828.225	32.929.486.677

11. Bất động sản đầu tư

	Hồ bơi và sân quần vợt VND	Trung tâm thương mại Carina VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022 và ngày 30/06/2022	1.977.748.637	69.198.401.860	71.176.150.497
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	1.009.567.802	14.400.328.260	15.409.896.062
Khấu hao trong kỳ	47.594.013	1.174.775.610	1.222.369.623
Tại ngày 30/06/2022	1.057.161.815	15.575.103.870	16.632.265.685
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	968.180.835	54.798.073.600	55.766.254.435
Tại ngày 30/06/2022	920.586.822	53.623.297.990	54.543.884.812

Trung tâm thương mại Carina đã được Công ty thế chấp cho khoản vay ngân hàng TMCP Á Châu (xem thêm tại thuyết minh V.20).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tuy nhiên, căn cứ vào giá trị thị trường của những tài sản tương đương, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	1.538.470.560	1.459.116.364
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	2.015.409.382	2.009.226.467
Lỗ gộp từ bất động sản đầu tư cho thuê	(476.938.822)	(550.110.103)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án đầu tư bất động sản NBB Garden III	815.264.247.170	814.910.144.026
Dự án đầu tư bất động sản NBB II	776.875.976.287	772.091.636.468
Các dự án khác	1.638.587.273	8.706.208.969
Cộng	1.593.778.810.730	1.595.707.989.463

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số dư đầu kỳ	1.595.707.989.463	1.543.066.537.426
Chi phí đầu tư phát sinh trong kỳ	5.628.942.963	41.830.389.070
Kết chuyển sang tài sản cố định	(7.558.121.696)	-
Số dư cuối kỳ	1.593.778.810.730	1.584.896.926.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Đầu tư tài chính dài hạn****a. Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/06/2022			01/01/2022		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư
	%	VND	VND	%	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	49,00%	4.579.636.245	(4.579.636.245)	49,00%	4.579.636.245	(4.579.636.245)
Giá trị đầu tư thuần			-			-

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022			01/01/2022		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND		VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	9,50%	16.150.000.000	-	9,50%	16.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Hifill	5,00%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	5,00%	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Giá trị đầu tư thuần			16.150.000.000			16.150.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Lợi nhuận chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất	Chi phí được khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai	Cộng
	VND	VND	VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Tại ngày 01/01/2021	509.373.000	-	1.213.872.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	165.528.000	3.638.883.626	3.749.235.626
Tại ngày 01/01/2022	674.901.000	3.638.883.626	4.313.784.626
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	110.352.000	-	110.352.000
Tại ngày 30/06/2022	785.253.000	3.638.883.626	4.424.136.626
	Lợi nhuận chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất	Dự phòng đầu tư công ty con	Cộng
	VND	VND	VND
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	(786.852.028)	(786.852.028)
Tại ngày 01/01/2022	-	786.852.028	786.852.028
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	-	786.852.028	786.852.028
Thuế suất sử dụng để tính thuế hoãn lại			20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xây Dựng	48.736.691.002	48.736.691.002	56.236.691.002	56.236.691.002
Các đối tượng khác	30.031.038.308	30.031.038.308	29.115.218.998	29.115.218.998
Cộng	78.767.729.310	78.767.729.310	85.351.910.000	85.351.910.000
<i>Trong đó, số dư phải trả các bên liên quan:</i>				
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1.287.641.713	1.287.641.713	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hạ tầng CII	13.443.885	13.443.885	13.443.885	13.443.885
Cộng	13.443.885	13.443.885	13.443.885	13.443.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Số dư thể hiện các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của các khách hàng nhận chuyển nhượng bất động sản liên quan đến các dự án Công ty đang kinh doanh.

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nhận trước tiền của khách hàng nhận chuyển nhượng bất động sản	29.360.984.686	34.060.963.433
Các khoản nhận trước của khách hàng khác	5.064.000	5.804.200
Cộng	29.366.048.686	34.066.767.633

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế GTGT	2.770.486.112	-	-	2.770.486.112
Thuế TNDN	-	-	956.980.142	956.980.142
Các khoản khác	1.025.860	1.025.860	-	-
Cộng	2.771.511.972	1.025.860	956.980.142	3.727.466.254
b. Phải nộp				
Thuế GTGT	21.458.603.050	7.244.997.659	21.458.603.050	7.244.997.659
Thuế TNDN	151.131.251.362	6.032.926.277	63.435.873.101	93.728.304.538
Thuế TNCN	5.351.783.419	5.465.384.354	7.549.563.028	3.267.604.745
Các khoản khác	42.184.934.154	2.686.797.731	11.882.185.487	32.989.546.398
Cộng	220.126.571.985	21.430.106.021	104.326.224.666	137.230.453.340

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền sử dụng đất của các dự án (*)	321.000.000.000	321.000.000.000
Chi phí lãi vay	13.264.176.797	12.723.024.376
Chi phí xây dựng	5.320.574.606	7.079.788.497
Chi phí phải trả khác	1.146.600.533	1.291.012.990
Cộng	340.731.351.936	342.093.825.863

(*) Chi tiết tiền sử dụng đất của các dự án phải nộp:

Dự án Khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside	201.000.000.000	201.000.000.000
Dự án Khu căn hộ cao tầng City Gate Towers	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	321.000.000.000	321.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Phải trả khác**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn		
Tiền nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng	364.596.101.927	463.322.913.500
Quỹ bảo tri phải trả	47.598.007.984	45.437.479.557
Phải trả vốn góp hợp tác đầu tư	-	112.913.213.000
Lãi phải trả từ các khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	-	13.281.782.213
Các khoản phải trả khác	5.572.025.226	6.317.620.553
	417.766.135.137	641.273.008.823
b. Dài hạn		
Phải trả vốn góp hợp tác đầu tư	354.313.213.000	-
Lãi phải trả từ các khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	71.607.450.440	
Nhận ký quỹ, ký cược	6.098.031.000	6.098.031.000
Quỹ bảo tri phải trả	947.085.036	947.085.036
	432.965.779.476	7.045.116.036
Tổng cộng phải trả khác	850.731.914.613	648.318.124.859
<i>Trong đó, số dư phải trả bên liên quan:</i>		
Công ty CII (i)	390.541.677.137	126.194.995.213
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	12.046.712.329	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	12.016.438.356	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	10.432.876.713	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	882.958.905	-
Cộng	425.920.663.440	126.194.995.213

(i) Số dư cuối kỳ bao gồm khoản vốn hợp tác đầu tư dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi với giá trị là 354.313.213.000 đồng, thời hạn hợp tác đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Công ty CII được phân chia lợi nhuận khoán gộp theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Các khoản vay cá nhân	749.650.527.900	749.650.527.900	97.313.004.500	17.794.491.000	670.132.014.400	670.132.014.400
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh b)	102.000.000.000	102.000.000.000			167.000.000.000	167.000.000.000
Cộng	851.650.527.900	851.650.527.900	97.313.004.500	17.794.491.000	837.132.014.400	837.132.014.400
b. Vay dài hạn						
Các khoản vay	1.908.200.685.697	1.908.200.685.697	1.843.200.685.697	-	-	-
Các khoản vay bên liên quan (*)	1.361.000.000.000	1.361.000.000.000	1.236.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương	607.200.685.697	607.200.685.697	607.200.685.697		-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000	42.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(102.000.000.000)	(102.000.000.000)			(167.000.000.000)	(167.000.000.000)
Trái phiếu phát hành						
Mã trái phiếu NBBH2124001	300.000.000.000	300.000.000.000	-	50.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000
Cộng	2.208.200.685.697	2.208.200.685.697	1.843.200.685.697	50.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000
Tổng cộng	3.059.851.213.597	3.059.851.213.597	1.940.513.690.197	67.794.491.000	1.187.132.014.400	1.187.132.014.400
(*) Chi tiết số dư vay các bên liên quan:						
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000	-	-	-
Công ty CII	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	86.000.000.000	86.000.000.000	86.000.000.000	-	-	-
Cộng	1.361.000.000.000	1.361.000.000.000	1.236.000.000.000		125.000.000.000	125.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Ngắn hạn</u>					
Khoản vay cá nhân	749.650.527.900	Đến ngày 31/12/2022 hoặc một thời hạn thỏa thuận khác	8,00% - 9,00%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	Không có tài sản đảm bảo.
<u>Dài hạn</u>					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương	607.200.685.697	144 tháng đến ngày 19/05/2034	8,50%	Đầu tư phát triển dự án De Lagi, Bình Thuận.	Toàn bộ quyền khai thác, quản lý và lợi ích từ dự án De Lagi, Bình Thuận và một dự án bất động sản do Công ty CII sở hữu. Toàn bộ vốn góp trong một công ty con và các hợp đồng tiền gửi của Công ty CII.
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	400.000.000.000	Thời hạn hợp đồng 20 năm	8,50%	Thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh.	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	400.000.000.000	Thời hạn hợp đồng 20 năm	8,50%	Thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh.	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	350.000.000.000	Thời hạn hợp đồng 20 năm	8,50%	Thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh.	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	125.000.000.000	Đến ngày 01/06/2024 hoặc một thời hạn theo thỏa thuận	11,00%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Dài hạn</u> (tiếp theo)					
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	86.000.000.000	5 năm	7,00%	Thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh.	Không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch	42.000.000.000	60 tháng đến ngày 30/12/2022	10,50%	Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án Diamond Riverside.	Ba (03) tầng thương mại dịch vụ ở Block B, tòa nhà Carina Plaza, chủ sở hữu là Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành***Trái phiếu NBBH2124001 với tổng mệnh giá phát hành tối đa là 500 tỷ đồng.*

- Mệnh giá trái phiếu: 100 triệu đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu đã phát hành thành công: 4.900 trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu Công ty đã thực hiện mua lại: 1.900 trái phiếu;
- Phương thức phát hành: riêng lẻ;
- Trái chủ: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: ngày 11 tháng 6 năm 2021;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đến hạn: ngày 11 tháng 6 năm 2024;
- Lãi trái phiếu: 11%/năm áp dụng cho năm đầu tiên, các kỳ trả lãi tiếp theo lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần, tham chiếu theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng do HDBank công bố cộng biên độ 4,5%/năm nhưng tối thiểu 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm để thực hiện các hoạt động kinh doanh tại các dự án trong khu đô thị mới Thủ Thiêm và tăng cường nguồn vốn thực hiện dự án khu dân cư Sơn Tịnh, Quảng Ngãi;
- Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại dự án khu dân cư Sơn Tịnh, Quảng Ngãi; các cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty mẹ CII; quyền phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm; số dư và quyền tài sản phát sinh trên tài khoản mở tại HDBank chuyên thu quản lý nguồn thu từ người mua, góp vốn, huy động vốn khác tại dự án khu dân cư Sơn Tịnh, Quảng Ngãi.

Lịch thanh toán của các khoản vay dài hạn và trái phiếu

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong vòng một năm	102.000.000.000	42.000.000.000
Trong năm thứ hai	505.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	372.000.000.000	350.000.000.000
Sau năm năm	1.331.200.685.697	-
	2.310.200.685.697	392.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(102.000.000.000)	(42.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	2.208.200.685.697	350.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Dự phòng phải trả**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Số dư đầu kỳ	7.272.727.273	-
Số đã sử dụng trong kỳ	(204.296.296)	-
Số dư cuối kỳ	7.068.430.977	-
b. Dài hạn		
Số dư đầu kỳ	3.752.492.187	4.999.034.227
Số đã sử dụng trong kỳ	(51.210.000)	(752.042.040)
Số dư cuối kỳ	3.701.282.187	4.246.992.187

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số dư đầu kỳ	13.423.225.313	10.658.409.639
Trích lập trong kỳ	12.959.733.091	33.231.328.173
Sử dụng quỹ trong kỳ	(17.066.612.631)	(21.229.176.778)
Số dư cuối kỳ	9.316.345.773	22.660.561.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	1.004.756.560.000	479.559.579.732	(498.686.282.051)	103.604.269.349	669.234.115.649	8.184.694.033	1.766.652.936.712
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	162.447.080.765	434.672.788	162.881.753.553
Chia cổ tức	-	-	-	-	(125.199.865.600)	-	(125.199.865.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(33.231.328.173)	(26.432.143)	(33.257.760.316)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát	-	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	1.004.756.560.000	479.559.579.732	(498.686.282.051)	103.604.269.349	670.250.002.641	8.592.934.678	1.768.077.064.349
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	151.964.584.014	(1.753.720.698)	150.210.863.316
Chia cổ phiếu quỹ thường cho cổ đông	-	(272.500.414.288)	491.599.204.288	-	(219.098.790.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(152.780.900)	(8.041.100)	(160.822.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(15.679.598.202)	15.679.598.202	-	-
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(87.924.671.147)	-	-	(87.924.671.147)
Tại ngày 31/12/2021	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	-	618.642.613.957	6.831.172.880	1.830.202.434.518
Tại ngày 01/01/2022	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	-	618.642.613.957	6.831.172.880	1.830.202.434.518
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.827.446.871	(40.118.199)	1.787.328.672
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.940.569.766)	(19.163.325)	(12.959.733.091)
Tại ngày 30/06/2022	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	-	607.529.491.062	6.771.891.356	1.819.030.030.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	100.475.656	100.475.656
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	100.475.656	100.475.656
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.475.656	100.475.656
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(315.861)	(315.861)
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(315.861)	(315.861)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.159.795	100.159.795
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.159.795	100.159.795
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 23 tháng 4 năm 2021, cổ tức năm 2020 được phê duyệt tỷ lệ là 25%, tương ứng 2.500 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 của năm 2020 với tỷ lệ 16%, tương ứng với tổng giá trị là 125.199.865.600 đồng.

Theo Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 26 tháng 4 năm 2022, cổ tức năm 2021 được phê duyệt với tỷ lệ là 15% (1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng) tương ứng với tổng số tiền 150.713.480.000 đồng.

Cổ tức năm 2022 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ là 15%, tương ứng 1.500 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	152.165.178.801	538.806.508.532
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.995.320.141	13.674.074.471
Cộng	169.160.498.942	552.480.583.003

2. Giá vốn

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	66.206.576.415	331.128.986.344
Giá vốn cung cấp dịch vụ	18.541.427.755	17.290.529.257
Cộng	84.748.004.170	348.419.515.601

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư, hỗ trợ vốn và lãi tiền gửi	68.008.154.439	3.310.806.338
Cổ tức được chia	1.235.000.000	-
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án	-	120.000.000.000
Cộng	69.243.154.439	123.310.806.338

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan:

Công ty CII (i)	35.795.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	32.037.880.126	2.738.745.207
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	1.235.000.000	-
Cộng	69.067.880.126	2.738.745.207

(i) Đây là khoản lợi nhuận Công ty được hưởng từ Công ty CII theo hợp đồng hợp tác kinh doanh và phát triển dự án bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	79.602.247.247	31.989.573.799
Chi phí hợp tác đầu tư dự án (i)	33.772.330.018	56.464.371.535
Cộng	113.374.577.265	88.453.945.334

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan:

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	12.046.712.329	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	12.016.438.356	-
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	10.432.876.713	-
Công ty CII	6.818.493.151	814.271.234
Công Ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	882.958.905	-
Cộng	42.197.479.454	814.271.234

(i) Đây là khoản lợi nhuận phân chia cho đối tác liên quan đến việc hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh - Quảng Ngãi.

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhà mẫu	341.786.977	870.333.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.369.252
Chi phí bằng tiền khác	1.665.805.569	1.746.992.338
Cộng	2.007.592.546	2.619.695.374

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.584.599.722	11.959.470.619
Chi phí đồ dùng văn phòng	62.547.055	154.285.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.366.018.802	807.120.017
Thuế, phí và lệ phí	99.176.702	194.454.542
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	500.000.000	16.381.534.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	968.890.913	690.277.674
Chi phí bằng tiền khác	619.254.994	2.215.128.342
Cộng	13.200.488.189	32.402.270.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Thu nhập từ các khoản phạt vi phạm hợp đồng	899.856.525	3.418.175.027
Thu nhập từ nhượng bán tài sản và công cụ, dụng cụ	110.929.630	252.257.571
Tiền sử dụng đất của dự án được hoàn	-	13.917.579.620
Các khoản thu nhập khác	661.429.375	764.441.581
Cộng	1.672.215.530	18.352.453.799

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Các khoản phạt vi phạm thuế	2.574.601.780	8.884.458.447
Các khoản chi phí khác	16.460.702.012	1.876.291.863
Cộng	19.035.303.792	10.760.750.310

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.709.902.949	211.487.665.960
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	21.102.889.533	25.875.746.416
Các khoản lỗ tính thuế bị bù trừ khi hợp nhất	800.078.902	8.021.592
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	551.760.000	551.760.000
Các khoản thu nhập tính thuế khác	-	9.380.144.017
Thu nhập chịu thuế	30.164.631.384	247.303.337.985
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.032.926.277	49.460.667.597
Điều chỉnh thuế phải nộp kỳ trước	-	(744.403.190)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.032.926.277	48.716.264.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.827.446.871	162.447.080.765
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	(91.372.344)	(8.122.354.038)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.736.074.527	154.324.726.727
Cổ phiếu lưu hành trong kỳ	100.159.795	100.159.795
Cổ phiếu quỹ dự kiến bán ra	315.861	-
Cổ phiếu để tính lãi cơ bản	100.475.656	100.159.795
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	1.541

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này đã được điều chỉnh giảm cho giá trị quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát với tỷ lệ 5% từ lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch năm 2022 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 26 tháng 4 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh lại do Công ty đã sử dụng 21.909.879 cổ phiếu quỹ để thưởng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (Số đã báo cáo)	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	162.447.080.765	162.447.080.765
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	(8.122.354.038)	(8.122.354.038)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	154.324.726.727	154.324.726.727
Cổ phiếu lưu hành trong kỳ	78.249.916	78.249.916
Cổ phiếu quỹ để thưởng cho cổ đông hiện hữu	-	21.909.879
Cổ phiếu để tính lãi cơ bản	78.249.916	100.159.795
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.972	1.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty CII	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Bên liên quan của Công ty CII

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư dự án	1.150.000.000.000	-
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án	241.400.000.000	7.800.000.000
Hoàn trả vốn góp hợp tác đầu tư dự án	-	117.500.000.000
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư	16.128.188.773	9.093.820.548
Chi phí sử dụng vốn phát sinh phải trả	6.818.493.151	814.271.234
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	125.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Thu hồi lại tiền hợp tác đầu tư	146.848.247.018	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	86.000.000.000	-
Mua tài sản	1.580.909.091	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		
Chi phí mua vật tư và thi công dự án	3.273.294.923	14.032.651.559
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	350.000.000.000	-
Chi phí thi công dự án	21.567.028.031	13.052.333.340
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí thi công dự án	-	244.434.280
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	400.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Bá Lân	1.380.769.231	469.278.351
Ông Trương Hải Đăng Khoa (đã miễn nhiệm)	1.360.000.000	1.120.000.000
Ông Nguyễn Quý Bình	1.116.923.077	800.000.000
Ông Mai Thanh Trúc	1.040.000.000	880.000.000
Ông Lưu Hải Ca	-	1.471.134.021
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	-	663.917.526
Ông Lê Quốc Bình	-	371.134.021
Ông Nguyễn Văn Chính	-	309.278.351
Ông Phạm Thanh Vũ	-	-
Ông Đoàn Tường Triệu (Đã miễn nhiệm)	-	-
Ban kiểm soát		
Bà Dương Quỳnh Diệp	-	309.278.351
Ông Lê Trung Hiếu	-	154.639.175
Bà Lê Thị Kiều Diễm	-	154.639.175

2. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm hai (02) bộ phận, cụ thể như sau:

- Kinh doanh bất động sản: Bán căn hộ, đất nền và cơ sở hạ tầng trên đất.
- Các hoạt động khác: Cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tiện ích.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

	Kinh doanh bất động sản VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thực hiện ra bên ngoài	152.165.178.801	16.995.320.141	-	169.160.498.942
Doanh thu thực hiện giữa các bộ phận	-	1.689.582.275	(1.689.582.275)	-
Doanh thu thuần theo bộ phận	152.165.178.801	18.684.902.416	(1.689.582.275)	169.160.498.942
Giá vốn theo bộ phận	66.206.576.415	18.541.427.755	-	84.748.004.170
Lợi nhuận/(Lỗ) gộp theo bộ phận	85.958.602.386	143.474.661	(1.689.582.275)	84.412.494.772
Doanh thu hoạt động tài chính				69.243.154.439
Chi phí tài chính				113.374.577.265
Chi phí bán hàng				2.007.592.546
Chi phí quản lý doanh nghiệp				13.200.488.189
Thu nhập khác				1.672.215.530
Chi phí khác				19.035.303.792
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				6.032.926.277
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(110.352.000)
Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.787.328.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

	Kinh doanh bất động sản VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thực hiện ra bên ngoài	538.806.508.532	13.674.074.471	-	552.480.583.003
Doanh thu thực hiện giữa các bộ phận	-	1.699.708.189	(1.699.708.189)	-
Doanh thu thuần theo bộ phận	538.806.508.532	15.373.782.660	(1.699.708.189)	552.480.583.003
Giá vốn theo bộ phận	331.128.986.344	17.290.529.257	-	348.419.515.601
Lợi nhuận/(Lỗ) gộp theo bộ phận	207.677.522.188	(1.916.746.597)	(1.699.708.189)	204.061.067.402
Doanh thu hoạt động tài chính				123.310.806.338
Chi phí tài chính				88.453.945.334
Chi phí bán hàng				2.619.695.374
Chi phí quản lý doanh nghiệp				32.402.270.561
Thu nhập khác				18.352.453.799
Chi phí khác				10.760.750.310
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				48.716.264.407
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(110.352.000)
Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				162.881.753.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Nợ tiềm tàng**

Như đã thuyết minh ở V.18, Công ty đã sử dụng các thông tin sẵn có và các giả định để có thể ước tính một cách hợp lý nhất chi phí tiền sử dụng đất của hai dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside và City Gate Towers với giá trị lần lượt là 201 tỷ đồng và 120 tỷ đồng. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa quyết toán được tiền sử dụng đất để nộp ngân sách Nhà Nước. Do đó, tiền sử dụng đất của các dự án này có thể chênh lệch với giá trị mà Công ty đã ước tính và ghi nhận vào kết quả kinh doanh.

Ngày 16 tháng 2 năm 2022, cơ quan điều tra đã hoàn tất hồ sơ xác định sự cố cháy tại chung cư Carina Plaza. Hầu hết các thiệt hại đã được chủ đầu tư và các nạn nhân thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả. Một số yêu cầu bồi thường chưa thỏa thuận được sẽ được giải quyết trong quá trình xét xử vụ án. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá, các khoản bồi thường này nếu phát sinh sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

4. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay các bên liên quan	1.236.000.000.000	125.000.000.000
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	704.513.690.197	336.695.947.100
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	-	280.000.000.000
Cộng	1.940.513.690.197	741.695.947.100
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	17.794.491.000	143.181.445.114
Tiền trả nợ gốc trái phiếu	50.000.000.000	
Cộng	67.794.491.000	143.181.445.114

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành nghị quyết về việc thông qua phương án tái phát hành 315.861 cổ phiếu quỹ còn lại.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu



Nguyễn Văn Minh
Kê toán trưởng



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022